

Số: /SKHCN-VP
V/v thực hiện chấm điểm Chỉ số
CCHC năm 2024.

Quảng Trị, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.

Căn cứ Công văn số 1533/SNV-CCHCVTLT ngày 08/10/2024 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2024-2025 (*đính kèm*); Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 với các nội dung sau:

1. Về nội dung tự đánh giá, chấm điểm (*phụ lục đính kèm*): Thực hiện theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2024-2025; Công văn 1533/SNV-CCHCVTLT ngày 08/10/2024 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2024-2025 và Công văn số 844/SKHCN-VP ngày 13/8/2024 về việc triển khai thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị về đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2024-2025.

Việc tự đánh giá các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần có số điểm **tối đa là 85 điểm**; các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần thực hiện điều tra xã hội học không tự đánh giá, không chấm điểm, nội dung này sẽ được đánh giá thông qua kết quả điều tra xã hội học.

- Các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì sẽ không được tính điểm.

- Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là bản chụp của văn bản giấy dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định (*văn bản số, ngày tháng năm*), đường link (các bài tuyên truyền, phóng sự). Số liệu đánh giá, thống kê từ ngày **15/12/2023** đến ngày **20/11/2024**.

2. Các phòng, đơn vị Báo cáo kết quả triển khai, áp dụng sáng kiến, giải pháp trong thực hiện các nội dung cải cách hành chính và gửi về Văn phòng Sở **trước ngày 10/11/2024**.

3. Trưởng các phòng, đơn vị có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, phối kết hợp triển khai thực hiện chấm điểm Bộ chỉ số cải cách hành chính (*phụ lục*

đính kèm) để đi kèm Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của Sở đạt kết quả cao và đính kèm đầy đủ tài liệu kiểm chứng và gửi về Văn phòng Sở trước ngày **20/11/2024**.

Yêu cầu các phòng, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Lân

Phụ lục I

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH (CẤP TỈNH)**

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH			
1.	TCTP 1.1.1. Thời gian ban hành kế hoạch CCHC	- Nếu Kế hoạch cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị ban hành: + Trước 31/01 của năm kế hoạch, điểm đánh giá là: 0.5. + Sau 31/01: 0	- Kế hoạch CCHC năm và các phụ lục. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
2.	TCTP 1.1.2. Chất lượng ban hành kế hoạch	- Yêu cầu: + Nội dung kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định; nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch phải thể hiện bằng khung logic (có kết quả đầu ra, bộ phận chủ trì, bộ phận phối hợp, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm); + Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5; không đáp ứng một trong các yêu cầu về nội dung nêu trên thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch CCHC năm và các phụ lục. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
3.	TCTP 1.1.3. Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	Thông kê tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch, số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành (trong trường hợp kế hoạch ban hành không đảm bảo chất lượng Hội đồng thẩm định sẽ giảm tỷ lệ mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị). Điểm được tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC năm; - Phụ lục báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
4.	TC 1.2. Báo cáo kết quả công tác CCHC	- Yêu cầu: Báo cáo đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của tỉnh, thì tổng điểm tối đa TC này là 4 điểm: + Về số lượng: Mỗi báo cáo được tính 0.1 điểm + Về nội dung báo cáo định kỳ: mỗi báo cáo đầy đủ được tính 0.5 điểm. + Thời gian báo cáo định kỳ về CCHC, gửi đến Sở Nội vụ (báo cáo quý I chậm nhất là ngày 15/3; 6 tháng đầu năm chậm nhất ngày 15/6; quý III	- Các báo cáo định kỳ về CCHC (Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm); - Các báo cáo đột xuất về CCHC gửi đến Sở Nội vụ (vào sổ Công văn đến hoặc trên hệ	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<p>chậm nhất trước ngày 15/9; năm chậm nhất ngày 15/12; riêng 07 cơ quan gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo chậm nhất ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo vì báo cáo của các cơ quan này có thêm nội dung tổng hợp kết quả thực hiện của tỉnh). Mỗi báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định được tính 0.25 đ</p> <p>- Báo cáo đột xuất: Thực hiện đầy đủ báo cáo đột xuất theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.6 điểm. Không thực hiện đầy đủ các báo cáo đột xuất, thì điểm đánh giá 0 (trường hợp trong năm không có yêu cầu báo cáo đột xuất thì điểm đánh giá là 0.6).</p>	<p>thông gửi nhận văn bản của UBND tỉnh).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>	
5.	TCTP 1.3.1. Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm so với tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Từ 20% - dưới 30%: 0.25;</p> <p>- Dưới 20% hoặc không ban hành kế hoạch kiểm tra: 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra;</p> <p>- Biên bản kiểm tra, Kết luận kiểm tra chi tiết các cơ quan, đơn vị đã kiểm tra về nội dung CCHC.</p>	Văn phòng Sở
6.	TCTP 1.3.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Yêu cầu: Biên bản kiểm tra phải chỉ ra những tồn tại, hạn chế và kiến nghị để cơ quan, đơn vị khắc phục. Văn bản hoặc báo cáo khắc phục phải thể hiện kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế và kiến nghị đã chỉ ra qua kiểm tra.</p> <p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số vấn đề phải xử lý (a);</p> <p>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b);</p> <p>+ Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</p> <p>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 2 + (c/a) * 1$</p> <p>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra (a = 0) thì điểm đánh giá là 2.</p>	<p>- Biên bản kiểm tra, Kết luận kiểm tra (Thống kê, nêu rõ các vấn đề phát hiện qua kiểm tra);</p> <p>- Văn bản hoặc báo cáo thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>	Văn phòng Sở
7.	TCTP 1.4.1. Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC đã ban hành	<p>- Yêu cầu: Kế hoạch tuyên truyền CCHC có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm (kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm). Thống kê tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm</p>	<p>- Kế hoạch tuyên truyền CCHC;</p> <p>- Các báo cáo CCHC định kỳ hoặc báo cáo công tác tuyên</p>	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<p>trong kế hoạch, số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành. Điểm được tính theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <p>a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch</p> <p>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</p> <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ hoặc trường hợp không ban hành Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>truyền;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	
8.	TCTP 1.4.2. Đa dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền CCHC qua bài viết hoặc phóng sự trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (mỗi bài viết được tính 0.5 điểm) và tổng số không quá 1 điểm; - Tuyên truyền CCHC bằng hình thức khác: Tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa, hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá cộng thêm 1 điểm; - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo CCHC định kỳ hoặc báo cáo công tác tuyên truyền; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh... đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST
9.	TCTP 1.5.1. Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC	<p>Ban hành văn bản triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC, nội dung triển khai phải rõ ràng, cụ thể, không chung chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đầy đủ, kịp thời (thời gian ban hành theo yêu cầu của văn bản hoặc tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản): 1 - Không triển khai đầy đủ, kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản của cơ quan, đơn vị (Công văn, Kế hoạch,...) - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	Văn phòng Sở
10.	TCTP 1.5.2. Tổ chức thực hiện đánh giá chỉ số đã công bố và kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế	<p>Tổ chức đánh giá chi rõ kết quả chỉ số CCHC cơ quan, đơn vị đạt được, chưa đạt được, giải pháp duy trì, khắc phục và kết quả khắc phục. Điểm đạt được tính theo công thức: $(b/a) \cdot 1.0 + (c/a) \cdot 0.5$, trong đó:</p> <p>a là tổng số vấn đề phải khắc phục.</p> <p>b là số vấn đề đã hoàn thành việc khắc phục.</p> <p>c là số vấn đề đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành.</p> <p>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản của UBND cấp huyện (Thông báo, công văn, kế hoạch, báo cáo,...) thể hiện nội dung đánh giá kết quả chỉ số và kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
11.	TCTP 1.5.3. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện CCHC	Là các văn bản (công văn, hướng dẫn) của cơ quan, đơn vị chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ cụ thể về cải cách hành chính. - Có 05 văn bản trở lên, thì điểm đánh giá: 1 - Có từ 03 văn bản - dưới 05 văn bản thì điểm đánh giá là 0.5 - Dưới 03 văn bản điểm đánh giá là 0	Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công tác CCHC đạt hiệu quả tốt hơn	
12.	TCTP 1.6.1. Sáng kiến, giải pháp được Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ công nhận	Sáng kiến, giải pháp đã được Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ công nhận: - 01 sáng kiến, giải pháp được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 1 điểm); - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.	- Văn bản phê duyệt, công nhận của Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	
13.	TCTP 1.6.2. Sáng kiến, giải pháp được cấp Tỉnh và cấp cơ sở công nhận	- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu sau: + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cơ quan, đơn vị, hoặc toàn ngành, hoặc cấp tỉnh, cấp huyện; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị và có sức lan tỏa trong tỉnh; + Được Hội đồng công nhận sáng kiến của đơn vị hoặc cấp trên công nhận. - 01 sáng kiến, giải pháp được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 2 điểm); - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.	- Các văn bản phê duyệt triển khai các sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền. - Giải trình sáng kiến của cơ quan, đơn vị. - Minh chứng hiệu quả sáng kiến, giải pháp đạt được.	Văn phòng Sở; phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; phòng Quản lý Công nghệ và ĐMST; Trung tâm Nghiên cứu, chuyên giao công nghệ và ĐMST.
14.	TC 1.7 Thực hiện cam kết cải thiện, nâng cao các chỉ số	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung theo cam kết đã ký với Chủ tịch UBND tỉnh, điểm đạt được tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đã ký cam kết b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo và phụ lục thống kê số lượng nhiệm vụ và kết quả thực hiện; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	Văn phòng Sở;
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
15.	TC 2.1. Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL trong năm (theo	Cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao Chủ trì soạn thảo đã trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL (Văn bản đã được Sở Tư pháp thẩm định đạt yêu cầu, UBND tỉnh đã ban hành) theo đúng chương trình XD VBQPPL trong năm kế hoạch đã được phê duyệt, thì điểm đánh giá	- Văn bản phân công xây dựng VBQPPL trong năm. - Báo cáo kết quả xây dựng Văn bản QPPL (nội dung này	Thanh tra Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	chương trình XD VBQPPL trong năm kế hoạch đã được phê duyệt)	<p>được tính theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$, trong đó: <i>a</i> là tổng số VBQPPL phải soạn thảo, trình ban hành; <i>b</i> là số VBQPPL được soạn thảo, trình và đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo đúng quy trình theo quy định. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.5$ thì điểm đánh giá là 0</p> <p>Trường hợp trong năm không được giao chủ trì soạn thảo hoặc không có nhu cầu xây dựng VBQPPL thì TC này trừ vào tổng số điểm tối đa (<i>Phải có văn bản báo cáo chi tiết quá trình rà soát và qua rà soát có phải sửa đổi, bổ sung, thay thế VBQPPL hay không và phải minh chứng cụ thể</i>).</p>	<p>có trong báo cáo CCHC của cơ quan, đơn vị).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các văn bản QPPL đã tham mưu ban hành trong năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	
16.	TCTP 2.2.1. Ban hành kế hoạch TDTHPL	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật ban hành theo nội dung theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản có liên quan. + Kế hoạch ban hành trước ngày 15/02 năm kế hoạch: 0.5 + Kế hoạch ban hành từ ngày 15/02 trở về sau của năm kế hoạch hoặc không ban hành kế hoạch: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật . - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	Thanh tra Sở
17.	TCTP 2.2.2. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	<p>Tổ chức thực hiện một trong các hoạt động tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát theo Kế hoạch đã ban hành: Nội dung theo quy định tại Thông tư 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp; Báo cáo/Kết luận thực hiện một trong các hoạt động tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát: 1 - Không tổ chức hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra, điều tra, khảo sát. - Báo cáo/Kết luận. - Các văn bản có liên quan (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	Thanh tra Sở
18.	TCTP 2.2.3. Thực hiện công tác Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đúng thời hạn (trước ngày 05/12 của năm báo cáo); nội dung báo cáo đảm bảo đúng mẫu và đầy đủ thông tin theo quy định của Thông tư 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp thì điểm đánh giá là 0.5 - Báo cáo không đúng nội dung và không đúng thời gian quy định (từ ngày 05/12 của năm báo cáo trở về sau) hoặc không có báo cáo thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả TDTHPL của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	Thanh tra Sở
19.	TCTP 2.2.4. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: + Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan, đơn vị xử lý theo thẩm quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Các Báo cáo/ Kết luận kiểm tra, điều tra, khảo sát;. - Các văn bản xử lý kết quả 	Thanh tra Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<p>hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn.</p> <p>- Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1 điểm.</p> <p>- Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</p> <p>Trong trường hợp kết quả thu thập thông tin, kiểm tra, khảo sát... không có vấn đề gì cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá 1 điểm</p>	<p>theo dõi thi hành pháp luật khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.</p>	
20.	TCTP 2.3.1. Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL	<p>Yêu cầu:</p> <p>+ Khai các văn bản QPPL cấp trên ban hành liên quan đến ngành, lĩnh vực của cơ quan, đơn vị phải triển khai.</p> <p>+ Điểm đạt được tính theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: a là tổng số VBQPPL phải triển khai thực hiện b là số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định</p> <p>Nếu tỷ lệ b/a <0.7 thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo về việc thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND tỉnh năm.</p> <p>- Báo cáo về công tác tuyên truyền PBGDPL.</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>	Thanh tra Sở
21.	TCTP 2.3.2. Thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	<p>- Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL đúng thời gian quy định: 1.5;</p> <p>- Ban hành kế hoạch rà soát văn bản QPPL không đúng thời gian quy định hoặc không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Kế hoạch rà soát VBQPPL.</p> <p>- Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.</p>	Thanh tra Sở
22.	TCTP 2.3.3. Xử lý VBQPPL sau rà soát	<p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý (a)</p> <p>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý (b)</p> <p>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa</p> <p>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau rà soát (a = 0) thì điểm đánh giá là 1.</p>	<p>- Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Danh mục các văn bản cần xử lý sau rà soát kèm theo tiến độ, kết quả xử lý.</p> <p>- Các văn bản chứng minh kết</p>	Thanh tra Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
			<p>quả rà soát đã được xử lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	
23.	TCTP 2.3.4. Công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát VBQPPL	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo quy định (Số lượng báo cáo, Nội dung báo cáo thực hiện theo Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; thời gian báo cáo: trước ngày 18/11 năm báo cáo), thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. - Báo cáo thiếu số lượng hoặc không đúng nội dung theo quy định tại Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hoặc không đúng thời gian quy định (từ ngày 18/11 năm báo cáo trở về sau), thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp. 	Thanh tra Sở
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
24.	TCTP 3.1.1. Rà soát, đánh giá TTHC và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề qua rà soát	<p>Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC và xử lý hoặc xử lý kiến nghị 100% số vấn đề qua rà soát: 0,5</p> <p>Báo cáo chậm hoặc có dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</p> <p>Không tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá hoặc không có báo cáo: 0</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC; phương án đơn giản hóa TTHC hoặc Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị theo định kỳ. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	Văn phòng Sở
25.	TCTP 3.1.2. Công bố thủ tục hành chính 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với quyết định công bố Danh mục TTHC: Khi có quyết định công bố TTHC của Bộ, cơ quan ngang bộ, chậm nhất sau 05 ngày kể ngày có quyết định công bố, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực phải rà soát trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. - Đối với quyết định công bố TTHC: Khi có văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định TTHC thì: <ul style="list-style-type: none"> + Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. <p>Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh. 	Văn phòng Sở;

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC. - Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo thẩm quyền quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP. - Điểm đánh giá khi trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC hoặc Danh mục TTHC được tính như sau: + Rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC kịp thời, đầy đủ, đúng quy định của cả 3 cấp: 0,5 + Rà soát và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC: Chậm; chưa đầy đủ theo quy định: 0,25 + Không rà soát để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố khi có TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành: 0 <i>(Nếu trong năm Bộ, cơ quan ngang bộ không công bố TTHC về ngành lĩnh vực hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung TTHC hoặc UBND tỉnh không ban hành văn bản QPPL có quy định TTHC thì điểm đánh giá TCTP này được trừ vào điểm tối đa).</i>		
26.	TCTP 3.1.3 Thống kê, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ	- Đã thực hiện đầy đủ: 0.5 điểm - Chưa thực hiện: 0 điểm	Quyết định công bố TTHC nội bộ của UBND tỉnh; Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ của UBND tỉnh.	Văn phòng Sở;
27.	TC 3.2 Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	-Sau khi có Quyết định công bố Danh mục TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: - Xây dựng quy trình đầy đủ, đúng quy định: 0,5 - Quy trình không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng: 0	- Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	Văn phòng Sở;
28.	TCTP 3.3.1 Tỷ lệ niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	Yêu cầu: - Các TTHC phải được cập nhật và niêm yết công khai đầy đủ đúng theo quy định tại nơi TN và TKQ. - Tỷ lệ đạt 100% thì điểm đánh giá là 0.5; Dưới 100% thì điểm đánh giá	- Hình ảnh niêm yết được chụp hoặc được quay tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả. - Kết quả theo dõi, kiểm tra	Văn phòng Sở;

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		là 0.	của Văn phòng UBND tỉnh. - Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	
29.	TCTP 3.3.2. Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (trang) thông tin của sở, ban, ngành	Yêu cầu: Các TTHC phải được cập nhật và công khai đầy đủ, đúng theo quy định trên cổng (trang) thông tin của cơ quan, đơn vị. Tính tỷ lệ% số TTHC đã được công khai so với tổng số TTHC, nếu: + Đạt tỷ lệ 100% TTHC được công khai: 0.5; + Dưới 100% số TTHC: 0	- Đường link trang web - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh. - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website.	Văn phòng Sở;
30.	TC 3.4. Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP . - Tính tổng số TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC của cơ quan so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. + Nếu đạt từ 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp UBND tỉnh cho phép các TTHC được TN và TKQ TKQ tại cơ quan, đơn vị hoặc TN và TKQ di động (VD: kiểm dịch...) thì được tính gộp tỷ lệ và phải có báo cáo giải trình. Ví dụ Sở A có tổng số 100 thủ tục hành chính, trong đó: 90 TTHC đưa vào TN và TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh, 8 TTHC được UBND tỉnh đồng ý cho TN và TKQ tại cơ quan và 2 TTHC được tiếp nhận di động (tại trạm kiểm dịch). Nhưng trong năm đánh giá Sở A chỉ đưa 80 TTHC vào TN và TKQ tại Trung tâm PVHCC, 18 TTHC thực hiện TN và TKQ tại cơ quan (vượt 10 TTHC theo sự đồng ý của UBND tỉnh) và 2 TTHC tiếp nhận di động. Cách tính tỷ lệ như sau: $(80+8+2)/100\%= 92,\%$ điểm đánh giá là 0 điểm (chưa đạt 100%)	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị theo định kỳ. - Văn bản của UBND tỉnh đồng ý cho tiếp nhận và TKQ hồ sơ TTHC di động hoặc tiếp nhận tại cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh. - Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	Văn phòng Sở;
31.	TC 3.5 Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua Hệ thống Một cửa điện tử	Yêu cầu: - Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức phải được cập nhật vào Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh. - Tính tỷ lệ số hồ sơ TTHC trong năm thực hiện TN và TKQ trên phần mềm một cửa điện tử so với tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả trong	- Số liệu hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Bao gồm Hệ thống mới https://motcua.quangtri.gov.vn và Hệ thống cũ:	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<p>năm của cơ quan đơn vị trong báo cáo kiểm soát TTHC định kỳ (Không tính hồ sơ TTHC thực hiện TN và TKQ trên các phần mềm do Trung ương quy định), nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đạt 100% số hồ sơ TTHC được thực hiện TN và TKQ qua Hệ thống một cửa điện tử, thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. + Từ dưới 100% số hồ sơ TTHC được thực hiện TN và TKQ qua Hệ thống một cửa điện tử, thì điểm đánh giá là 0. 	<p>https://motcuadientu.quangtri.gov.vn);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng; - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh. - Kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh tại đơn vị, xét thấy đơn vị không nhập dữ liệu hồ sơ TTHC đầy đủ thì sẽ tính 0 điểm, kết quả kiểm tra CCHC được xem là tài liệu thẩm định để đánh giá kết quả thực hiện của đơn vị. 	
32.	TC 3.6. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	<p>Thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm (a) - Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn và trước hạn (b) <p>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Nếu tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống Một cửa điện tử được truy xuất tại Mẫu báo cáo 06a https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/baocaotoantinhv3 - Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng; - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh. 	Văn phòng Sở
33.	TC 3.7. Thực hiện quy định xin lỗi người dân, tổ	<p>- Yêu cầu: Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức (bằng văn bản) khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; 	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	chức khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan nhà nước đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm; nếu thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. Trường hợp không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1 điểm.	- Văn bản xin lỗi (nếu có hồ sơ trễ hẹn) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	
34.	TC 3.8. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	- Yêu cầu: + Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP . + Thông kê tất cả PAKN trong năm về TTHC do tỉnh tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận, yêu cầu tỉnh giải quyết. - Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: + Không nhận được PAKN nào, hoặc 100% các PAKN được xử lý hoặc đề nghị cấp trên xử lý thì điểm đánh giá là 1; + Từ 90% - dưới 100% PAKN được xử lý, thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	Văn phòng Sở
35.	TC 3.9. Chế độ thông tin báo cáo TTHC	- Yêu cầu: + Báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo định kỳ (quý 1, quý 2, quý 3 và BC năm) đầy đủ. + Đầy đủ các nội dung theo Đề cương báo cáo và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. + Đúng thời gian quy định: Trước ngày 19 của tháng cuối quý, BC năm trước ngày 19/12 hàng năm. - Nếu thực hiện báo cáo đầy đủ số lượng, đúng nội dung và thời gian quy định trên hệ thống thông tin báo cáo chính phủ(https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn) thì đánh giá: 1 điểm. - Nếu báo cáo thiếu số lượng (hoặc không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định) thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo năm của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
36.	TCTP 3.10.1 Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ tiếp nhận</p> <p>b là số hồ sơ thực hiện số hoá, đính kèm file đầy đủ và thực hiện luân chuyển điện tử</p> <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0,7$ thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo tổng hợp tình hình số hóa thành phần hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Bao gồm Hệ thống mới https://motcua.quangtri.gov.vn và Hệ thống cũ: https://motcuadientu.quangtri.gov.vn);</p> <p>- Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng</p> <p>- Đối với các hồ sơ kiểm thử dịch vụ công trực tuyến, được tính là hồ sơ có số hoá của Đơn vị.</p>	Văn phòng Sở
37.	TCTP 3.10.2 Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	<p>- Tỷ lệ đạt từ 100% trở lên: 1</p> <p>- Dưới 100% tính điểm theo công thức: $((b/a) \times 100) \times \text{điểm tối đa} / 100$, Trong đó:</p> <p>a là Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ</p> <p>b là Tổng số hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử</p> <p>- Nếu tỷ lệ $b/a < 0,9$ thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo tổng hợp tình hình số hóa kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Bao gồm Hệ thống mới https://motcua.quangtri.gov.vn và Hệ thống cũ: https://motcuadientu.quangtri.gov.vn);</p> <p>- Đối với TTHC không quy định kết quả trả về, đề nghị bổ sung ảnh chụp thông tin mã TTHC và trường thông tin kết quả TTHC trên CSDL Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công tỉnh.</p> <p>- Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng.</p> <p>- Đối với các hồ sơ kiểm thử dịch vụ công trực tuyến,</p>	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
38.	TCTP 3.11.1 Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	<p>Điểm tối đa = 1</p> <p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là Tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến.</p> <p>b là Tổng số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</p> <p><i>Lưu ý: cơ quan, đơn vị không có TTHC quy định phí/lệ phí và không có hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến thì được trừ vào điểm tổng.</i></p>	<p>được tính là hồ sơ có số hoá của Đơn vị.</p> <p>- Dựa theo số liệu trích xuất tại Báo cáo thống kê Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh tại link: https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_gdtt</p> <p>- Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng.</p>	Văn phòng Sở
39.	TCTP 3.11.2 Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	<p>Điểm tối đa = 1</p> <p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá;</p> <p>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến;</p> <p>Nếu tỷ lệ $b/a < \text{tỷ lệ tối thiểu}$ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p><i>Lưu ý: cơ quan, đơn vị không có TTHC quy định phí/lệ phí và không có hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến thì được trừ vào điểm tổng.</i></p>	<p>Dựa theo số liệu trích xuất tại Báo cáo thống kê tình hình thanh toán phí, lệ phí trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_thuphi_online</p> <p>- Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng</p>	Các phòng, đơn vị: ; Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Quản lý Công nghệ và ĐMST; Quản lý Khoa học; TT Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST.
40.	TCTP 3.12.1 Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	<p>Điểm tối đa: 1 điểm</p> <p>Tính điểm theo công thức: $b/a \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần;</p> <p>b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p> <p>Nếu $b/a < 0.4$ thì điểm đánh giá là 0 (tự đề xuất, theo tỉ lệ đã chấm 2023)</p>	<p>Tổng số DVCTT toàn trình và một phần: Căn cứ theo danh mục DVCTT toàn trình và một phần đang còn hiệu lực đang được triển khai trên Cổng DVC tỉnh tại thời điểm chấm điểm.</p>	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
41.	TCTP 3.12.2 Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Điểm tối đa: 1 điểm Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp của các DVCTT toàn trình b là số hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Văn phòng Sở
42.	TCTP 3.12.3 Tỷ lệ DVCTT triển khai trên Cổng DVC tỉnh	Điểm tối đa: 1 điểm Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; b là Tổng số DVCTT toàn trình và một phần đã đăng ký triển khai trên cổng DVC tỉnh. Nếu $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0 (tự đề xuất, theo tỉ lệ đã chấm 2023)	- Tổng số TTHC: theo số liệu TTHC đang còn hiệu lực của Sở tại thời điểm chấm điểm. - Tổng số DVCTT: Căn cứ theo danh mục DVCTT đang còn hiệu lực đang được triển khai trên Cổng DVC tỉnh tại thời điểm chấm điểm.	Văn phòng Sở
43.	TCTP 3.12.4 Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Điểm tối đa: 0,5 điểm Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ b là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Văn phòng Sở
44.	TCTP 3.12.5 Tỷ lệ hồ sơ DVCTT	Điểm tối đa: 1 điểm Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC; b là hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần; Nếu $b/a < 0.5$ thì điểm đánh giá là 0 (theo tỉ lệ NQ 01 của CP)	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Văn phòng Sở
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
45.	TCTP 4.1.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở và tương đương (sau đây gọi tắt là Sở)	- Yêu cầu: Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các phòng chuyên môn thuộc Sở, Ban, Chi cục, các phòng chuyên môn thuộc Ban, Chi cục và trình UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở bảo đảm đúng quy định của Trung ương (Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, các Thông tư của Bộ chuyên ngành) và của tỉnh. - Thời hạn hoàn thiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy và trình ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ nêu trên chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày quy định mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của bộ chuyên ngành có hiệu lực thi hành. - Điểm đánh giá:	- Tờ trình và Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> + Nếu 100 % Phòng thuộc Sở, Ban, Chi cục thuộc Sở, các phòng chuyên môn thuộc Ban, Chi cục được sắp xếp đảm bảo đúng quy định và trình tự quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở bảo thời gian quy định trên thì điểm đánh giá là 01; + Nếu ban hành dưới 100% hoặc có ban hành 100% mà chưa đảm bảo thời gian trên thì điểm đánh giá là 0. 		
46.	TCTP 4.1.2. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng, ban, chi cục thuộc Sở và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: + Trình UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban, Chi cục thuộc Sở; + Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng thuộc Sở sau khi UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở. - Điểm đánh giá: + Nếu 100% phòng, ban, chi cục thuộc Sở có ban hành và đảm bảo quy định thì điểm đánh giá là 0,5; + Nếu không ban hành thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình và Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban, Chi cục thuộc Sở; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng thuộc Sở. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Văn phòng Sở
47.	TCTP 4.1.3. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập)	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập) - Thời gian: Chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày có quy định của Bộ chuyên ngành có hiệu lực thi hành hoặc sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức. - Điểm đánh giá: + Nếu 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập) đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và đảm bảo thời gian như trên thì điểm đánh giá là 0,5; + Nếu ban hành dưới 100% hoặc có ban hành 100% mà chưa đảm bảo thời gian trên thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập thì được trừ vào tổng số điểm tối đa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình và Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
48.	TCTP 4.1.4. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Số lượng lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc cấp Sở và số lượng lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: thực hiện đúng theo quy định 	- Báo cáo CCHC của cơ quan hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	tại các cơ quan hành chính và các đơn vị SNCL thuộc và trực thuộc	của tỉnh Nếu đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 1 điểm Không đáp ứng yêu cầu trên điểm đánh giá là 0 điểm	đầu tại các cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	ĐMST; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
49.	TCTP 4.1.5. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020)	<p>- Yêu cầu: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở phải sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong (Phòng hoặc tương đương) đảm bảo điều kiện theo quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, cụ thể: Phòng hoặc tương đương phòng có tối thiểu 07 viên chức trở lên (trừ trường hợp đặc thù đã được UBND tỉnh cho phép tồn tại Phòng dưới 07 viên chức (phải giải trình rõ) và trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.</p> <p>- Điểm đánh giá: + Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.5 điểm; + Thực hiện chưa đầy đủ: 0.25 điểm; + Chưa thực hiện: 0 điểm</p> <p>Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Báo cáo CCHC 6 tháng (năm) hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
50.	TCTP 4.2.1. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính (biên chế công chức)	<p>- Yêu cầu: Thống kê số lượng biên chế hành chính được giao so với số biên chế hành chính đang sử dụng, thống kê số lượng hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>- Điểm đánh giá: + Nếu số lượng biên chế hành chính của cơ quan đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1; + Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao hoặc có hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>	Văn phòng Sở
51.	TCTP 4.2.2. Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc	<p>- Thống kê tổng số người làm việc được giao trong đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên so với số người làm việc đang sử dụng; thống kê số lượng người làm việc có mặt so với định mức quy định (nếu đơn vị sự nghiệp công lập được Bộ chuyên ngành quy định định mức số người làm việc)</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ</p>	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<p>hoặc so với vị trí việc làm (nếu vị trí việc làm được phê duyệt).</p> <p>- Điểm đánh giá:</p> <p>+ Nếu số người làm việc của đơn vị sự nghiệp đang sử dụng không vượt quá so với tổng số người làm việc được giao, số người làm việc theo định mức quy định thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao hoặc vượt quá định mức hoặc vượt quá so với vị trí việc làm thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập hoặc có 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>		
52.	TCTP 4.2.3. Tỷ lệ tinh giảm biên chế công chức hàng năm so với kế hoạch đã được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: Thống kê số lượng giảm biên chế công chức theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt và số đã thực hiện cắt giảm trong năm đánh giá.</p> <p>- Điểm đánh giá: Đối với tinh giảm biên chế công chức: Đạt từ 100% trở lên theo kế hoạch của năm đã được phê duyệt: 0,5 điểm; Đạt dưới 100%: 0 điểm.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trong Kế hoạch tinh giảm biên chế được UBND tỉnh phê duyệt năm đánh giá không phải thực hiện tinh giảm biên chế thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan);</p> <p>- Quyết định UBND tỉnh phê duyệt tinh giảm biên chế.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>	Văn phòng Sở
53.	TCTP 4.2.4. Tỷ lệ giảm số người làm việc hàng năm so với kế hoạch đã được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: Thống kê số lượng giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt và số đã thực hiện cắt giảm trong năm đánh giá.</p> <p>- Điểm đánh giá: Đối với giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước: Đạt từ 100% trở lên theo kế hoạch của năm đã được phê duyệt: 0.5 điểm; Đạt dưới 100%: 0 điểm.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trong Kế hoạch tinh giảm biên chế được UBND tỉnh phê duyệt năm đánh giá không phải thực hiện tinh giảm biên chế thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (hoặc báo cáo có liên quan);</p> <p>- Quyết định UBND tỉnh phê duyệt tinh giảm biên chế.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>	Văn phòng Sở
54.	TCTP 4.3.1. Thực hiện phân cấp quản lý đối với ngành, lĩnh vực do sở,	<p>- Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của Trung ương (Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020, Nghị quyết số</p>	<p>- Báo cáo CCHC của cơ quan (có nội dung về phân cấp), Văn bản triển khai phân cấp</p>	Văn phòng Sở; phòng Quản lý Công nghệ và

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	ngành phụ trách	<p>04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành) và UBND tỉnh về phân cấp quản lý nhà nước, trong đó thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lĩnh vực hoặc nội dung yêu cầu phân cấp của Trung ương, của tỉnh; + Sở đã triển khai phân cấp gồm những lĩnh vực hoặc nội dung nào? Tại quy định nào? Văn bản nào triển khai lĩnh vực hoặc nội dung phân cấp? <p>- Điểm đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; + Không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<p>hoặc báo cáo kết quả triển khai, kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Đổi mới sáng tạo
55.	TCTP 4.3.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	<p>- Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cơ quan theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022.</p> <p>- Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC của cơ quan hoặc báo cáo (biên bản, thông báo kết luận) kết quả triển khai, kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước hoặc các báo cáo về thanh tra, kiểm tra của Phòng thanh tra (có nội dung về kiểm tra, đánh giá đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
56.	TCTP 4.3.3. Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 1; - Nếu dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0. <p>Trường hợp cơ quan không có các nhiệm vụ phân cấp (do đặc thù) thì</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các biên bản, thông báo kết luận kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra (Thống kê, nêu rõ các vấn đề phát hiện qua kiểm tra); - Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra. 	phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
57.	TC 4.4. Ban hành Quy chế làm việc của sở, ban, ngành	<p>được trừ vào tổng số điểm tối đa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã ban hành và sửa đổi khi có thay đổi về lãnh đạo cấp sở, hoặc tổ chức bộ máy, thì điểm đánh giá là 0.5; - Không ban hành hoặc sửa đổi khi có thay đổi về lãnh đạo cấp sở hoặc tổ chức bộ máy, thì điểm đánh giá là 0 	- Quyết định ban hành Quy chế làm việc	Văn phòng Sở
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
58.	TCTP 5.1.1. Tỷ lệ phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: Các phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.</p> <p>Nếu chưa hoàn thành việc trình phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định (<i>thực hiện theo quy định mới của trung ương</i>).</p> <p>Trường hợp đã trình Đề án vị trí việc làm công chức nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì trừ vào điểm tối đa.</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số cơ quan, tổ chức: 1 + Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.50 + Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0.25 + Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm; - Báo cáo thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>trong đó thể hiện được vị trí việc làm đang đảm nhiệm của từng người theo danh mục đã được phê duyệt; đối chiếu, so sánh về số lượng bố trí và các điều kiện, tiêu chuẩn của từng người cụ thể theo từng vị trí việc làm đã được phê duyệt. Từ đó, xác định tỷ lệ bố trí đúng theo vị trí việc làm</i>). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	Văn phòng Sở
59.	TCTP 5.1.2. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các đơn vị SNCL thuộc sở, ban, ngành phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. <p>- Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% số cơ quan, tổ chức: 1 + Từ 80% - dưới 100% số đơn vị, tổ chức: 0.50 + Từ 60% - dưới 80% số đơn vị, tổ chức: 0.25 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm; - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm, khung năng lực của đơn vị SNCL; - Báo cáo thực trạng đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>trong đó thể hiện được vị trí việc làm đang đảm nhiệm của từng người</i> 	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		+ Dưới 60% số đơn vị, tổ chức: 0.	<p><i>theo danh mục đã được phê duyệt; đối chiếu, so sánh về số lượng bố trí và các điều kiện, tiêu chuẩn của từng người cụ thể theo từng vị trí việc làm đã được phê duyệt. Từ đó, xác định đơn vị SNCL đó có bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt không để làm căn cứ xác định tỷ lệ đơn vị SNCL thuộc sở, ban, ngành bố trí đúng theo vị trí việc làm);</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mỗi đơn vị SNCL gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	
60.	TCTP 5.1.3. Hoàn thành Bản mô tả công việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành Bản mô tả công việc của 100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau 20 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm của UBND tỉnh: 0,5 điểm. - Hoàn thành Bản mô tả công việc của 100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau 40 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm của UBND tỉnh: 0,25 điểm. - Không đáp ứng theo các nội dung trên: 0 điểm. 	Bản mô tả công việc do cơ quan, đơn vị phê duyệt (sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm hoặc điều chỉnh vị trí việc làm).	Văn phòng Sở
61.	TCTP 5.2.1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức khi còn biên chế	<p>Yêu cầu: Các cơ quan thực hiện đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức theo hướng dẫn của Sở Nội vụ thì điểm đánh giá là 0,5; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Trường hợp nếu còn chỉ tiêu biên chế nhưng không thực hiện, tuy nhiên cơ quan, địa phương có báo cáo giải trình rõ lý do không thực hiện thì được xem xét điểm đánh giá là 0,5 nếu lý do giải trình phù hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn, Kế hoạch đăng ký tuyển dụng của cơ quan; - Báo cáo giải trình lý do không thực hiện đăng ký tuyển dụng công chức khi còn chỉ tiêu biên chế (<i>thực hiện trong</i> 	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		Trường hợp cơ quan không còn chỉ tiêu để tuyển dụng thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.	<i>thời gian yêu cầu theo hướng dẫn đăng ký tuyển dụng của Sở Nội vụ</i> ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	
62.	TCTP 5.2.2. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức khi còn chỉ tiêu người làm việc	- Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức theo hướng dẫn của Sở Nội vụ thì được đánh giá là 0,5; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp nếu còn chỉ tiêu số người làm việc nhưng không thực hiện, tuy nhiên cơ quan, đơn vị, địa phương có báo cáo giải trình rõ lý do không thực hiện thì được xem xét điểm đánh giá là 0,5 nếu lý do giải trình phù hợp. Trường hợp cơ quan, đơn vị không còn chỉ tiêu để tuyển dụng thì được trừ vào tổng số điểm tối đa.	- Công văn, Kế hoạch đăng ký tuyển dụng của cơ quan, đơn vị; - Báo cáo giải trình lý do không thực hiện đăng ký tuyển dụng viên chức khi còn chỉ tiêu số người làm việc (<i>thực hiện trong thời gian yêu cầu theo hướng dẫn đăng ký tuyển dụng của Sở Nội vụ</i>); - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
63.	TCTP 5.2.3. Tổ chức tuyển dụng viên chức	- Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL trực thuộc phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Nếu 100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - <i>Trường hợp trong năm không còn chỉ tiêu để thực hiện việc tuyển dụng viên chức thì trừ vào tổng số điểm tối đa</i>	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng,...)	Văn phòng Sở
64.	TC 5.3. Thực hiện quy định về quy trình bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các	- Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Thống kê danh sách số lãnh đạo các phòng, ban và tương đương được	- Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	phòng, ban, tương đương	bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm trong năm; - Nếu 100% số lãnh đạo các phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì được 1 điểm; nếu dưới 100% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước, nhưng trong năm đánh giá mới phát hiện ra sai phạm, thì điểm đánh giá của năm đánh giá hiện tại là 0	đạo, quản lý trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
65.	TC 5.4. Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Thông kê tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch, số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành. Thực hiện hoàn thành từ 80-100% số nhiệm vụ theo kế hoạch thì tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ hoặc không ban hành KH thì điểm đánh giá là 0	- Kế hoạch và báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
66.	TC 5.5. Cập nhật đầy đủ thông tin CB,CC,VC trên hệ thống thông tin của tỉnh	Hàng năm cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, nâng lương, tốt nghiệp các khóa đào tạo, đi nước ngoài... thì phải cập nhật những thông tin trên lên hệ thống thông tin CB,CC,VC của tỉnh. Nếu các thông tin trên được cập nhật đầy đủ, chính xác 100% và được phê duyệt, thì điểm đánh giá là 2 điểm Cập nhật đủ số lượng, đủ nội dung nhưng đối soát thông tin chưa đúng: 1 Nếu không đầy đủ thì điểm đánh giá: 0	- Thông kê số liệu và báo cáo của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
67.	TC 5.6. Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả nhiệm vụ được giao (bằng báo cáo và phần mềm)	- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của UBND tỉnh. - Ban hành tiêu chí đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hàng năm theo quy định, thì điểm đánh giá là 2. - Không ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, nhưng hàng năm có đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá, thì điểm đánh giá là 1 - Không báo cáo kết quả đánh giá, điểm đánh giá là 0. Trường hợp quy định về thời gian đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá CCVC trong năm của UBND tỉnh sau thời gian tự đánh giá Chỉ số CCHC thì sẽ lấy kết quả của năm trước liền kề để tính điểm.	- Bộ tiêu chí đánh giá CBCCVC hàng năm của cơ quan, đơn vị - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	Văn phòng Sở
68.	TC 5.7. Chấp hành kỷ	- Yêu cầu: Thông kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật	- Báo cáo CCHC năm của cơ	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<p>trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong năm không có lãnh đạo cấp Sở và tương đương bị kỷ luật thì điểm đánh giá là 0.5 - Trong năm cơ quan và đơn vị trực thuộc không có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật: 0.5 <p>Nếu có thì tính điểm theo tỷ lệ số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật so với tổng số lãnh đạo cấp phòng và tương đương:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dưới 3%: 0,25 điểm + Trên 3%: 0 điểm <ul style="list-style-type: none"> - Trong năm cơ quan và đơn vị trực thuộc không có công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật: 0.5 <p>Nếu có thì tính điểm theo tỷ lệ Số lượng công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) bị kỷ luật so với tổng số CBCCV (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) hiện có:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dưới 0,5%: 0,25 điểm + Trên 0,5%: 0 điểm 	<p>quan trong năm; (<i>Yêu cầu đính kèm BCCCHC ở mục này để chấm tiêu chí này</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê CC,VC bị kỷ luật; - Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. 	
VI	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
69.	TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư phát triển trong năm đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. - Điểm giải ngân năm tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số vốn phải giải ngân theo kế hoạch; b là số vốn đã thực hiện giải ngân đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ giải ngân đến ngày 30/11 đạt dưới 70%: không có điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị. - Xác nhận, báo cáo của Kho bạc nhà nước. 	Phòng Kế hoạch-Tài chính
70.	TCTP 6.1.2. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của năm đánh giá, thì điểm đánh giá là 0.5 - Thực hiện chưa đầy đủ, hoặc có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của năm đánh giá được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra, thì điểm đánh giá là 0 Trường hợp sai phạm về sử dụng kinh phí của năm trước liền kề, nhưng năm đánh giá mới phát hiện ra sai phạm, thì điểm đánh giá của năm đánh giá hiện được tính như sau: 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan, đơn vị. - Kết quả quyết toán của Sở Tài chính; kết luận thanh tra, kiểm toán tại đơn vị (nếu có). 	Phòng Kế hoạch-Tài chính

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - Nếu năm trước liền kề điểm đánh giá là 1 thì điểm của năm đánh giá là 0; - Nếu năm trước liền kề điểm đánh giá là 0 thì điểm của năm đánh giá là 0.5. 		
71.	TCTP 6.1.3. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số tiền phải nộp NSNN; - b là số tiền đã nộp NSNN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại đơn vị; - Báo cáo thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc các chứng từ nộp NSNN của đơn vị. 	Phòng Kế hoạch-Tài chính
72.	TCTP 6.2.1. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên; hoặc tăng thêm ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư so với năm 2021 (trước khi triển khai Nghị định 60/2021/NĐ-CP): 0.5 - Có dưới 20% ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên trở lên hoặc không tăng thêm so với năm 2021: 0 <p><i>Các cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL trực thuộc thì TCTP này được trừ vào điểm trong thang điểm tối đa</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc. - Các văn bản giao tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền. 	Phòng Kế hoạch-Tài chính
73.	TCTP 6.2.2. Xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc theo từng giai đoạn đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Chưa xây dựng phương án giao quyền tự chủ của các đơn vị SNCL trực thuộc theo từng giai đoạn đúng quy định, thì điểm đánh giá là 0; <p><i>Các cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL trực thuộc thì TCTP này được trừ vào điểm trong thang điểm tối đa.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án tự chủ của đơn vị gửi Sở chủ quản, Sở Tài chính. - Các văn bản giao tự chủ tài chính. 	Phòng Kế hoạch-Tài chính
74.	TCTP 6.2.3. Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1; Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \% giảm chi trực tiếp NSNN} \times \text{điểm tối đa}) / 10\%$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao dự toán năm 2021 và Quyết định giao dự toán năm đánh giá 	Phòng Kế hoạch-Tài chính
75.	TCTP 6.3.1. Công khai	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,25. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC có nội dung 	Phòng

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị	- Công khai nhưng chưa đầy đủ các nội dung hoặc chưa công khai thì điểm đánh giá là 0.	công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cuối năm; Các biểu mẫu công khai... - Báo cáo công khai.	Kế hoạch-Tài chính
76.	TCTP 6.3.2. Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, đơn vị	- Đã công khai đầy đủ đúng quy định tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và về tài sản (đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà công trình xây dựng; xe ô tô), thì điểm đánh giá là 0,25; - Có công khai nhưng không đầy đủ hoặc không công khai thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC có nội dung công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cuối năm; Các biểu mẫu công khai...	Phòng Kế hoạch-Tài chính
77.	TCTP 6.3.3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	- Báo cáo đầy đủ đúng hạn theo quy định, điểm đánh giá là 0,25 - Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: 0,25 - Có báo cáo nhưng không đúng hạn hoặc không thực hiện báo cáo thì điểm đánh giá là 0	- Các báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định, theo yêu cầu của Sở Tài chính. - Rà soát, kiểm tra số liệu của cơ quan Tài chính.	Phòng Kế hoạch-Tài chính
78.	TCTP 6.3.4. Kiểm kê tài sản hàng năm	Trong năm: - Có kiểm kê, kiểm tra (thành lập Hội đồng đúng thành phần, Biên bản kiểm kê đầy đủ các tài sản) thì điểm đánh giá là 0,5 - Có thực hiện kiểm kê nhưng không đúng thời hạn, hồ sơ không đảm bảo hoặc không thực hiện kiểm kê thì điểm đánh giá là 0	- Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản. - Biên bản kiểm kê.	Văn phòng Sở
79.	TCTP 6.3.5. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Các cơ quan, đơn vị phải ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. * Đối với đơn vị không có đơn vị trực thuộc: - Có ban hành thì điểm đánh giá là 0,5; - Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.	- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị. - Tổng hợp danh mục các Quy chế đã ban hành của cơ quan, đơn vị trực thuộc (nêu rõ tên	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		* Đối với đơn vị có đơn vị trực thuộc: - Có ban hành thì điểm đánh giá là 0,25; - Các đơn vị trực thuộc ban hành đầy đủ: 0,25.	văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành). - Gửi đại diện 05 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị trực thuộc (trường hợp có dưới 5 cơ quan, đơn vị trực thuộc thì gửi đầy đủ các quy chế).	
80.	TCTP 6.3.6. Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Yêu cầu: Thực hiện theo Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính. Nếu kết quả: - Có báo cáo kê khai và đề xuất phương án thì điểm đánh giá là 1 - Không có báo cáo kê khai và không đề xuất phương án thì điểm đánh giá là 0	- Kết quả sắp xếp: Báo cáo kê khai tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được cấp thẩm quyền phê duyệt. - Cập nhật đầy số liệu trên phần mềm quản lý tài sản công của Bộ Tài chính.	Văn phòng Sở
VII XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
81.	TCTP 7.1.1 Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của sở, ban, ngành (không ban hành KH thì không có điểm)	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.7$ thì điểm đánh giá là 0	- Kế hoạch Chuyển đổi số năm của cơ quan, đơn vị; - Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; - Các tài liệu liên quan khác.	Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
82.	TCTP 7.1.2 Triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyển xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua các cấp thẩm quyền	Triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyển xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua các cấp thẩm quyền phê duyệt và ký số văn bản trên Phần mềm QLVB và HSCV. Cách tính điểm: Tính theo tỷ lệ mới đánh giá được mức độ thực hiện của các đơn vị. Năm 2024-2025: Tính theo công thức: $(a/b) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a: là tổng số VB đến đã xử lý theo quy trình	- Báo cáo kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý văn bản điện tử và lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	Văn phòng Sở

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
	phê duyệt và ký số văn bản trên Phần mềm QLVB và HSCV (Trừ văn bản mật)	b: là tổng số VB đến của đơn vị Nếu $a/b < 0.9$ thì điểm đánh giá là 0 (Theo Quyết định 1371/QĐ-UBND ngày 29/6/2023).		
83.	TCTP 7.1.3 Cập nhật dữ liệu lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Trị	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Gửi đầy đủ các nội dung báo cáo theo quy định tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh. - Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số tổng số kỳ phải cập nhật báo cáo; b là số kỳ đã cập nhật báo cáo đúng quy định. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.6$ thì điểm đánh giá là 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả gửi báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh https://bcktxh.quangtri.gov.vn/ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh 	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST;
84.	TC 7.2 Công/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu về cấu trúc, bố cục, kỹ thuật và nội dung theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Công/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được đánh giá là 1.5 điểm nếu đáp ứng các điều kiện sau: 1. Công/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật đáp ứng Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. 2. Công/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. - Công/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được đánh giá là 0 điểm nếu không đáp ứng một trong các điều kiện trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của cơ quan, đơn vị; - Các tài liệu liên quan khác; - Địa chỉ truy cập. 	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST;
85.	TCTP 7.3.1 Thực hiện chữ ký số tại đơn vị	Điểm tối đa: 0.5 điểm. Ký số trên phần mềm QLVB&HSCV. Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số văn bản áp dụng chữ ký số đã ban hành. b là số văn bản Lãnh đạo ký số đã ban hành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0.	Kết quả được trích xuất từ Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc	Văn phòng Sở.
86.	TCTP 7.3.2 Lãnh đạo đơn vị áp dụng chữ ký số	Điểm tối đa: 1 điểm. Điều kiện để TCTP 7.3.2 có điểm: Nếu đạt điều kiện, thì tính điểm theo công thức. Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số văn bản áp dụng chữ ký số đã ban hành.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả được trích xuất từ Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. - Kết quả theo dõi, kiểm tra 	Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ĐMST;

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Phương pháp chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng	Phòng, đơn vị thực hiện
		b là số văn bản Lãnh đạo ký số đã ban hành. Nếu tỷ lệ $b/a <$ tỷ lệ tối thiểu quy định thì điểm đánh giá là 0.	của Văn phòng UBND tỉnh.	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
87.	TC 7.4 Lưu trữ điện tử hồ sơ công việc	- Đã triển khai: 0.5 điểm - Chưa triển khai: 0 điểm	Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	Văn phòng Sở.